ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92 /BC-UBND	*Kiên Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2020*

BÁO CÁO
Tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc.

Thực hiện Công văn số 160/UBDT-VP135 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021 – 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU GIAI ĐOẠN 2016-2020

Kiên Giang là tỉnh nằm trong vùng Tây Nam Bộ, trải dài trên 4 vùng sinh thái: Tứ giác Long Xuyên, Tây Sông Hậu, Bán đảo Cà Mau và Hải Đảo. Diện tích tự nhiên 634.613 ha, có hơn 145 hòn đảo lớn nhỏ. Có đường biên giới bộ giáp với Vương quốc Campuchia dài 56,8 km, có vùng nước lịch sử với Campuchia rộng 8.800 km^2 nối liền với vùng biển Thái Lan, Malaysia. Tỉnh có 3 dân tộc chủ yếu sinh sống là Kinh, Khmer và Hoa, trong đó đồng bào dân tộc Khmer có 59.221 hộ, với 211.280 người, chiếm 12,26% (theo số liệu điều tra dân số 01/4/2019). Toàn tỉnh có 6 xã và 37 ấp thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2016 tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trên địa bàn ước 51.303 tỷ đồng, đạt 101,66% kế hoạch, tăng 6,57% so với cùng kỳ năm 2015. Thu nhập bình quân đầu người 1.706 USD. Công nhận thêm 10 xã và huyện Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số đến nay có 28 xã đạt nông thôn mới. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 99,27% kế hoạch, tăng 9,98%. Tiếp tục triển khai xây dựng hạ tầng và kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; một số dự án đã khởi công, khánh thành đưa vào hoạt động. Các công trình, dự án cấp điện nông thôn, vùng lõm, đưa điện lưới quốc gia ra xã đảo được quan tâm đầu tư; đến nay tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 98,35%. Đến cuối năm giao thông nông thôn thực hiện được 196,8/328 km, nâng tổng số km đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa 4.534/7.084 km, đạt 64% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh). Văn hóa xã hội

có nhiều chuyển biến tiến bộ; giáo dục đào tạo, văn hóa, y tế, giải quyết việc làm,... đạt được kết quả nhất định; an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa,... tiếp tục được quan tâm. Tỷ lệ hộ nghèo 9,78%, tỷ lệ hộ cận nghèo 3,25%.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình

- Việc thành lập và hoạt động của bộ máy chỉ đạo, điều hành: Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh. Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban; lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch UBND của 15 huyện, thành phố làm thành viên và phân công trách nhiệm cho từng thành viên. Đối với cấp huyện, xã đều thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành, quy định, hướng dẫn của tỉnh: Trên cơ sở tiếp thu các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện như: Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 161/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung, mức chi hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020; Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 27/9/2016 giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1288/QD-UBND ngày 01/6/2018 về việc quy định định mức thu hồi và hình thức quản lý vốn thu hồi đối với Dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 195/QĐ-BCĐ ngày 03/11/2017 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020.

- Các chính sách đặc thù do các địa phương ban hành để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, thôn bản thực hiện Chương trình 135: Tỉnh đã ban hành một số chính sách riêng hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; trong đó có hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số như: Nghị quyết số 115/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND tỉnh về hỗ trợ

mức đóng BHYT đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo. Nghị quyết quy định hỗ trợ 100% mức đóng BHYT đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo; trong đó ngân sách địa phương và các nguồn vận động hợp pháp hỗ trợ 30%, ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%. Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng BHYT từ ngân sách địa phương đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên giai đoạn 2017-2020. Nghị quyết quy định ngoài mức hỗ trợ của Trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ 10% mức đóng BHYT đối với người thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên có, hộ khẩu trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh đào tạo nghề cho lao động thuộc 04 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020.

- Phân công, phân nhiệm và công tác điều phối, phối hợp, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện Chương trình.

Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm toàn diện về chỉ đạo triển khai nội dung Chương trình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ban Chỉ đạo trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo trong quá trình triển khai thực hiện.

Ban Dân tộc tỉnh chủ động phối hợp với các ngành cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tốt dự án trên địa bàn, đồng thời phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, báo cáo kết quả theo định kỳ và đột xuất.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Từ năm 2016 đến nay, công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thực cho cán bộ và người dân để phát huy vai trò trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình được các cấp, các ngành thực hiện thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức như: Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (kể cả chương trình phát thanh bằng tiếng Khmer), đài truyền thanh của huyện, xã đưa các tin bài về tình hình thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình và các chương trình lồng ghép khác; tờ bướm, sổ tay, tập huấn.... Qua tuyên truyền người dân nắm được việc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các xã nghèo nói chung và đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, từ đó tích cực tham gia vào việc thực hiện các dự án chính sách ở địa phương mình, như tham gia phát hoang, làm nền hạ, hiến đất để xây dựng trường học, công trình giao thông công cộng...

3. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện

Hàng năm, UBND tỉnh có bố trí kinh phí thực hiện cho cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện theo quy định, tổng kinh phí được bố trí là 70 triệu đồng, bảo đảm hoạt động công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình.

Để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, UBND tỉnh chỉ đạo cho các sở ngành có liên quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm, đồng thời đã tổ chức kiểm tra, giám sát được 30 cuộc (kiểm tra 17 cuộc, giám sát 13 cuộc). Qua kiểm tra, giám sát, việc thực hiện Chương trình đã giúp UBND tỉnh kịp thời đôn đốc các cấp, các ngành đảm bảo tổ chức thực hiện đúng các mục tiêu, cơ chế, nguyên tắc của Chương trình như công tác phân cấp, trao quyền; huy động và lồng ghép các nguồn lực; vận động người dân tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát và thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, vẫn còn một số địa phương lúng túng trong việc triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả của Chương trình trong một số công tác như: Lập kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng theo cơ chế đặc thù, hỗ trợ phát triển sinh kế theo cơ chế dự án, thu hồi một phần vốn hỗ trợ và quay vòng trong cộng đồng, cơ chế tạo việc làm công... Sau khi có kết quả xử lý sau kiểm tra, thực hiện các kết luận của Thanh tra, kiểm toán, các đơn vị có liên quan, xây dựng kế hoạch thực hiện đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra, kết luận Thanh tra, kiểm toán, chỉ đạo khẩn trương rà soát, đề xuất biện pháp triển khai xử lý dứt điểm những tồn tại yếu kém, không để kéo dài.

Ban Giám sát đầu tư cộng đồng luôn được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, trong giai đoạn vừa qua các Ban giám sát đầu tư cộng đồng đã tập trung hoạt động có hiệu quả, có nhiều đổi mới và mang tính chủ động cao hơn; hàng năm, UBND tỉnh có bố trí kinh phí 5 triệu đồng/năm/ban. Vai trò của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng luôn phát huy hiệu quả, nhằm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình đầu tư Chương trình 135. Qua hoạt động giám sát, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng phát hiện, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vụ việc, góp phần khắc phục kịp thời các công trình sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, tiến độ thi công chậm, ảnh hưởng đến môi trường, không đảm bảo chất lượng công trình.

4. Công tác huy động nguồn lực

Giai đoạn 2016-2019 và ước thực hiện năm 2020, tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình 135 là 88.616 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 83.731 triệu đồng, vốn địa phương là 4.000 triệu đồng, vốn huy động khác 885 triệu đồng. Bên cạnh đó, người dân đóng góp: hiến đất làm đường, sức lao động, phát hoang ước giá trị trên 2.000 triệu đồng. Ngoài ra đối với các địa bàn xã, ấp đặc biệt khó khăn tỉnh còn bố trí nguồn lực lồng ghép đầu tư phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện, ước tổng giá trị gần 320.000 triệu đồng.

Tuy nhiên, do nhiều cơ quan khác nhau quản lý nên việc lồng ghép rất khó khăn thực hiện, dẫn đến phân tán nguồn lực, nhiều khi trùng lập cho nên công tác kiểm tra, giám sát và công tác tổng hợp báo cáo gặp nhiều khó khăn là

không tổng hợp được hết các nguồn vốn của các ngành đã lồng ghép đầu tư vào các xã thuộc Chương trình 135.

5. Đánh giá kết quả thực hiện các nguyên tắc, cơ chế của Chương trình

5.1. Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. Việc ban hành tiêu chí phân bổ của địa phương và những khó khăn, tồn tại trong việc triển khai Quyết định này:

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để thực hiện, theo đó tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương thực hiện chương trình bao gồm: Tiêu chí về xã khu vực III, khu vực II biên giới, xã khu vực I; ấp đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ dân tộc thiểu số. Cách tính hệ số các tiêu chí và phương pháp tính mức vốn được phân bổ thực hiện đúng theo quy định; tỉ lệ ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Qua triển khai nhìn chung, đảm bảo kinh phí để các địa phương triển khai thực hiện tốt Chương trình. Tuy nhiên, Chương trình 135 thực hiện trên những địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, tình hình lạm phát, giá cả vật tư tăng lên nên mức vốn đầu tư không đủ để thực hiện các công trình, dự án đề ra hàng năm. Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phân bổ theo chương trình ở các xã đặc biệt khó khăn còn thấp.

5.2. Đánh giá về việc phân cấp trong công tác lập, thẩm định, điều chỉnh, phê duyệt danh mục các dự án (đầu tư/duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở) thuộc Chương trình 135.

Sau khi có chủ trương đầu tư, việc lập danh mục được giao cho xã và ấp lấy ý kiến cộng đồng và đề nghị danh mục, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (Hội đồng nhân dân tỉnh). Nhìn chung, việc phân cấp trong công tác lập, thẩm định, điều chỉnh, phê duyệt danh mục các dự án thực hiện tốt, đúng theo quy định, đa số công trình đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của đồng bào. Tuy nhiên, quy trình thực hiện qua nhiều khâu, mất nhiều thời gian.

5.3. Đánh giá về việc thực hiện cơ chế thanh quyết toán đối với nguồn vốn Chương trình 135

Quản lý, sử dụng và thành quyết toán vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình khá tốt, chặt chẽ và nhịp nhàng đúng theo

quy định. Tuy nhiên, về cơ chế gặp nhiều khó khăn, phải qua nhiều khâu làm cho chậm trễ thời gian thực hiện hoặc địa phương có dịch bệnh, thiên tai, nếu xin điều chỉnh vốn phải thực hiện theo quy trình nên có thể không thực hiện được trong năm.

Kinh phí quản lý Chương trình: Hàng năm, Ban Dân tộc xây dựng dự toán kinh phí quản lý, hỗ trợ các hoạt động kiểm tra, giám sát, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện với số tiền là 302 triệu đồng.

5.4. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

Thực hiện cơ chế theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, khi áp dụng cơ chế này thì khó thực hiện, chưa thật sự phù hợp đối với từng vùng, từng địa phương, vì vậy còn một số nơi chưa thực hiện tốt phương châm "xã có công trình dân có việc làm" vì hầu hết các công trình xây dựng cơ bản đều do các nhà thầu đảm nhiệm, lao động ở địa phương đa phần là lao động thủ công, nên một vài nhà thầu ít sử dụng lao động tại chỗ.

5.5. Đánh giá thực tiễn triển khai và hiệu quả của nguyên tắc "xã làm chủ đầu tư":

Thực hiện phân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án, trao quyền tự chủ cho cộng đồng, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh có một số hạng mục công trình xã được UBND huyện giao làm chủ đầu tư. UBND xã đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, thực hiện, quản lý công trình để hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, được phân cấp giao làm chủ đầu tư, nhưng phần lớn các ngành cấp huyện phải hướng dẫn giúp đỡ, vì năng lực chuyên môn của cán bộ cấp xã một số nơi còn hạn chế.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

1.1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Tổng nguồn vốn phân bổ để thực hiện là: 66.091 triệu đồng. Trong đó (Vốn trung ương là: 65.206 triệu đồng; vốn huy động khác là: 885 triệu đồng).

- Kết quả đã xây dựng mới 174 công trình, gồm: 58 cây cầu, 95 tuyến đường, 09 nhà văn hóa, 02 điểm chợ (san lấp mặt bằng), mở rộng 02 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, 06 điểm trường học, 02 nhà vệ sinh.

1.2. Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng

Tổng số vốn đã phân bổ để thực hiện là: 3.629 triệu đồng. Kết quả đã duy tu, bảo dưỡng 44 công trình, gồm: 6 cây cầu, 11 con đường và sửa chữa 23 điểm trường, 01 trụ sở ấp, 02 nhà văn hóa, 01 điểm chợ.

Hiệu quả và những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện: Nhìn chung, tiến độ thực hiện các dự án kịp thời, các xã ưu tiên lựa chọn những công trình bức xúc nhất, thông qua HĐND xã để trình UBND huyện phê duyệt, đúng theo nhu cầu nguyện vọng của Nhân dân và đúng địa bàn. Hầu hết các công trình thực hiện đều có sự giám sát của người dân, sau khi công trình hoàn thành đều đạt chất lượng, đều phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, công tác xây dựng quy hoạch kế hoạch và thẩm định phê duyệt và tổ chức đấu thầu, giao thầu... các dự án có nơi thực hiện còn chậm. Mặc dù phần lớn các xã được phân cấp làm chủ đầu tư, nhưng về trình độ năng lực cán bộ một số xã còn hạn chế. Từ đó làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thi công các công trình và công tác giải ngân thanh quyết toán, việc huy động sức dân và đóng góp của cộng đồng chưa nhiều. Ban giám sát cộng đồng các xã hoạt động chất lượng chưa cao, một số nơi còn hình thức. Các danh mục công trình có vốn ít, quy mô nhỏ, bố trí vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, do đó nhiều nhà thầu ngán ngại thi công. Một số địa phương quản lý công trình còn hạn chế, một số công trình bị xuống cấp, không có vốn để duy tu bảo dưỡng làm giảm tuổi thọ công trình.

2. Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở

- Vốn kế hoạch là: 2.438 triệu đồng; vốn thực hiện: 2.438 triệu đồng.

- Đã tổ chức mở được 24 lớp tập huấn cho trên 2.300 học viên là cán bộ cơ sở, ấp và cộng đồng. Tổ chức đưa 110 học viên là cộng đồng và cán bộ cơ sở đi giao lưu, học tập kinh nghiệm, tham quan mô hình phát triển sản xuất, xây dựng công trình hạ tầng tại các tỉnh bạn.

- Nội dung các hoạt động nâng cao năng lực: Đối với cán bộ cơ sở nâng cao năng lực về quy trình, kỹ năng trong thực hiện Chương trình và các vấn đề liên quan trong giảm nghèo; đối với cộng đồng đảm bảo tăng cường sự tham gia của cộng vào các khâu lập kế hoạch, thực hiện và giám sát Chương trình.

- Phương pháp tổ chức thực hiện các nội dung nâng cao năng lực: Tổ chức tập huấn tại các huyện, thời gian 3 ngày/lớp có gắn với đi thực tế một số công trình, dự án, thời gian thực hiện phù hợp với thời gian xây dựng công trình, dự án. Kết thúc lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực lựa chọn các học viên tiêu biểu ở các lớp qua từng đợt tập huấn có thành tích tốt trong quá trình triển khai thực hiện chương trình để tổ chức tham quan, học tập.

Qua thực hiện dự án này trang bị cho cộng đồng và cán bộ cơ sở, cơ bản nắm được các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quá trình thực hiện Chương trình dự án ở địa phương mình. Tuy nhiên, thành viên Ban

Giám sát cộng đồng một số nơi thiếu ổn định, hạn chế về kinh nghiệm, năng lực, còn lúng túng trong việc thực hiện quy trình giám sát, nhất là chọn nội dung, đối tượng giám sát, hiệu quả giám sát chưa cao. Công tác thông tin, báo cáo chưa thường xuyên, kịp thời.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016 – 2020, được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, nhiều chủ trương, chính sách đã được đầu tư, hỗ trợ trên địa bàn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Việc triển khai thực hiện Chương trình 135 trong những năm qua trên địa bàn tỉnh luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp, sự phối hợp tuyên truyền của mặt trận, các đoàn thể, sự nhiệt tình, đồng thuận tham gia đóng góp và thực hiện của Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã góp góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, từ đó đời sống của đồng bào các dân tộc được phát triển nâng lên, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, trình độ dân trí được nâng cao, công tác chăm sóc sức khỏe ngày càng được tốt hơn, việc giao thương hàng hóa của nông dân được thuận lợi hơn trước. Hiện nay, có 100% xã có đường giao thông nông thôn đến trung tâm xã, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 88,3%, tỷ lệ hộ sử dụng điện 99,6% và đã có 100% xã vùng dân tộc thiểu số có trạm y tế. Số hộ nghèo giảm từ 9,78% (2015) xuống còn 2,69% (2019), trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 5,91% (hộ nghèo theo thu nhập) xuống còn 4,7%.

Chương trình 135 đã đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, được Nhân dân đồng tình ủng hộ, góp phần phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn, phát huy nguồn lực của người dân, góp phần quan trọng làm thay đổi diện mạo nông thôn vùng dân tộc; đời sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên, tập quán và kỹ thuật sản xuất có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa; cơ sở kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng; đội ngũ cán bộ cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng, năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế xã hội ở địa phương được tăng cường; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

a. Các mục tiêu, chỉ tiêu đã hoàn thành

- Từ 80% ấp có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, chỉ tiêu này đến nay đạt 100%.

- 85% trở lên ấp có điện phục vụ sinh hoạt và phát triển sản xuất; 99% hộ sử dụng điện, chỉ tiêu này đạt.

- Từ 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, trên 85% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, chỉ tiêu này đạt 100%.

- Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 70% - 80% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm, chỉ tiêu này đạt trên 85%.

- Thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tăng 20% - 30%/năm; bình quân mỗi năm có ít nhất 20% hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo, cận nghèo.

- Hỗ trợ đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho khoảng 1.000 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, chỉ tiêu đạt.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn, bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng, chỉ tiêu đạt.

- 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 80% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới.

- 75% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Hiện nay chỉ tiêu này đạt 88,3%.

b. Các mục tiêu, chỉ tiêu chưa hoàn thành

- Đầu giai đoạn tỉnh có 43 xã, ấp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135, theo kế hoạch phấn đấu 30% số xã, ấp đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. Kết quả đến nay có 11 xã, ấp đặc biệt khó khăn được công nhận hoàn thành mục tiêu Chương trình, đạt tỷ lệ 25,6%.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các huyện, xã, thôn thuộc Chương trình phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân.

3. Những hạn chế và nguyên nhân đối với các mục tiêu, chỉ tiêu chưa hoàn thành

- Việc tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách khác với Chương trình 135 để phát huy hiệu quả kinh tế-xã hội còn thấp. Cơ sở kết cấu hạ tầng, đời sống của đồng bào tuy đã có bước đổi mới, phát triển nâng lên, nhưng còn nhiều hạn chế, số hộ thoát nghèo nhanh nhưng chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, nhất là hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Một bộ phận người dân sống ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn địa hình phức tạp, kết cấu hạ tầng và văn hóa xã hội kém phát triển.

- Tập quán sản xuất, sinh hoạt còn lạc hậu, chủ yếu là thuần nông và chưa

có tích lũy để tái đầu tư và mở rộng sản xuất. Cơ sở kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn thấp kém chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội do điểm xuất phát thấp, mặc dù đã được quan tâm đầu tư.

*** Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, mục đích, ý nghĩa của việc thực hiện Chương trình 135 ở nhiều nơi chưa tốt, nhận thức của người dân và một bộ phận cán bộ chưa được nâng cao, ý thức cộng đồng tham gia xây dựng, quản lý, sử dụng công trình còn nhiều hạn chế, còn tư tưởng trong chờ, ỷ lại Nhà nước và cấp trên.

+ Trình độ chuyên môn, năng lực tổ chức thực hiện của một bộ phận cấp xã còn yếu. Hiệu quả hoạt động của Ban Giám sát cộng đồng xã còn hạn chế, chưa phân biệt rõ của sự giám sát cộng đồng và giám sát chuyên ngành, trình độ và năng lực cán bộ giám sát chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Việc thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn các xã thuộc Chương trình 135 còn khó khăn và bất cập.

- Nguyên nhân khách quan

+ Chương trình 135 thực hiện trên những địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, tình hình lạm phát, giá cả vật tư tăng nên mức độ vốn đầu tư không đủ để thực hiện các công trình, dự án đề ra hàng năm.

+ Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phân bổ theo chương trình ở các xã đặc biệt khó khăn còn thấp.

+ Tập quán sản xuất của hộ nghèo nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số các xã đặc biệt khó khăn còn lạc hậu. Trong khi đó chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trong những năm qua thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, đã rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

1. Phải tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý điều hành của chính quyền và sự tham gia phối hợp của Mặt trận và các đoàn thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 ở địa phương, thực tế nơi nào làm tốt công tác này thì nơi đó Chương trình đạt hiệu quả cao.

2. Phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho các cấp, các ngành, nhất là cán bộ đảng viên của xã, ấp và Nhân dân về ý nghĩa, mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình 135 và kế hoạch thực hiện ở địa phương mình, từ đó quyết tâm thực hiện thì sẽ đạt được kết quả tốt.

3. Quá trình triển khai thực hiện phải huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình, chính sách khác, phải huy động cho được nguồn nội lực không trông chờ vào sự hỗ trợ của cấp trên. Đồng thời, trong tổ chức thực hiện Chương trình phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch.

4. Quá trình thực hiện Chương trình phải thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra giám sát, khảo sát, kịp thời phát hiện uốn nắn những sai sót lệch lạc, qua đó sẽ thúc đẩy thực hiện Chương trình có hiệu quả và không để xảy ra tiêu cực thất thoát.

Phần thứ hai
ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

I. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

1. Đề xuất giải pháp quản lý, điều hành

- Trong chỉ đạo điều hành, các văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương cần phải kịp thời và thống nhất theo tinh thần giao quyền tự chủ cho địa phương để thực hiện đạt được các mục tiêu của Chương trình.

- Cần thống nhất nguồn vốn thực hiện là ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện.

- Xây dựng các quy định để khuyến khích sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình, từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả. Chuyển dần phương thức hỗ trợ cho không sang hỗ trợ có điều kiện (cho vay lãi suất ưu đãi); từ hỗ trợ đầu vào trong sản xuất sang hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo, mục tiêu giảm nghèo đến các cấp, ngành, Nhân dân và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước; hưởng ứng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo".

- Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, ấp và cộng đồng trong việc đề xuất lựa chọn, quản lý, giám sát đầu tư, khai thác, sử dụng các chương trình, dự án, tiếp nhận thông tin phản ánh của báo chí, người dân để kịp thời phát hiện và khắc phục những sai sót, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Cần có đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện công tác giảm nghèo đủ về số lượng và đủ năng lực chuyên môn. Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác giảm nghèo.

- Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình.

2. Đề xuất giải pháp huy động đồng bộ các nguồn lực trên cùng một địa bàn

Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động, tranh thủ nguồn vốn của Trung ương, cân đối bố trí đối ứng từ ngân sách địa phương và kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, kết hợp nguồn lực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng điều phối CT135;
- Vụ Địa phương III-UBDT;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- LĐVP, P.VHXH, P.TH;
- Lưu: VT, tthuy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Đỗ Thanh Bình

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 10.04.2020 14:22:53 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 01: TIỂU DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số: 92 /BC-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	HẠNG MỤC	Số công trình 2016 - 2020				Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
		Khởi công mới	Duy tu bảo dưỡng	Xã làm CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTW (CT 135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=8+9+10 +11*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Công trình giao thông	153	17	170	-	54295	54295	0	-	885	
2	Công trình thủy lợi	0	0	0	-	0	0	0	-	0	
3	Công trình điện	0	0	0	-	0	0	0	-	0	
4	Công trình văn hóa	9	2	11	-	2326	2326	0	-	0	
5	Công trình y tế	0	0	0	-	287	287	0	-	0	
6	Công trình giáo dục	6	23	29	-	2190	2190	0	-	0	
7	Nước sinh hoạt	2	0	2	-	488	488	0	-	0	
8	Công trình khác	4	2	6	-	6505	5620	0	-	0	
	CỘNG	**174**	**44**	**218**	-	**66091**	**65206**	**0**	-	**885**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 02: TIỂU DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số: 92 /BC-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn (triệu đồng)			Lượt người tham dự (Người)						Ghi chú
					NSTW (CT 135)	NSĐP	NV khác	Cán bộ xã		Cán bộ thôn		Người dân		
								Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ	
1	Lớp tập huấn	Lớp	24	2195	2195	-	-	325	134	920	391	1055	519	
2	Tham quan học tập	Đợt	5	243	243	-	-	30	11	42	18	38	16	

BIỂU 03: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tiêu chí đánh giá	Đơn vị tính	Đầu giai đoạn	Dự kiến đến năm 2020
1	Số hộ ở các xã, thôn bản thuộc CT 135	hộ	25,584	30,761
2	Tỷ lệ hộ nghèo các xã, thôn bản ĐBKK (%)	%	29,33	23%
3	Tỷ lệ hộ cận nghèo các xã, thôn bản ĐBKK (%)	%	11,84%	6%
4	Thu nhập bình quân hộ nghèo ở các xã, thôn bản ĐBKKK	Tr.đ	8 triệu	21 triệu
5	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS của tỉnh (%)	%	13,89%	5%
6	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS của tỉnh (%)	%	6,82%	5%
7	Thu nhập bình quân hộ nghèo DTTS của tỉnh	Tr.đ		
8	Tỷ lệ hộ gia đình ở xã, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	45%	76%
9	Tỷ lệ diện tích canh tác được tưới tiêu bằng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, thôn ĐBKK	Ha	95%	100%
10	Số xã hoàn thành mục tiêu CT 135	Xã	0	1
11	Số thôn bản hoàn thành mục tiêu CT 135	Thôn	0	10
12	Số xã ĐBKK có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT	Xã	6	6
13	Số thôn, bản ĐBKK có trục đường giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT	Thôn	37	37
14	Số xã ĐBKK đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	6	6
15	Số xã ĐBKK có Trạm y tế đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Xã	6	6
16	Số xã ĐBKK có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân	Xã	6	6
17	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án hỗ trợ PTSX	Xã	6	6
18	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án đầu tư CSHT	Xã	6	6
19	Số xã ĐBKK có tổ đội sản xuất tham gia thi công công trình hạ tầng thuộc CT 135	Xã	0	6